

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH TIỀN GIANG**

1  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **575/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 17/10/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng.**

- *Các Hội thẩm nhân nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Trung Trực.**

2. Ông **Lê Văn Rỡ.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện N, Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà **Đinh Thị  
Tuyết Hằng**- kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 419/2019/TLST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2019/QĐST-HN ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn: Võ Thị Kim D**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: số 335 ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

Tạm trú: 6/4 Hẻm 4, Khu phố 4, Phường 10, Tp.Mỹ Tho.

\* **Bị đơn Phan Ngọc C**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: số 335 ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang.

**NHẬN THẤY:**

\* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Võ Thị Kim D trình bày: Chị và anh C cưới nhau vào năm 2011 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo số 117, ngày 14/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C cờ bạc không lo cho gia đình, chị D đã cố khuyên nhiều lần nhưng không được. Chị D và anh C đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Lâm H, sinh ngày 24/7/2014. Hiện cháu H đang sống với anh C và ông bà nội. Khi ly hôn, chị D tiếp tục giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Phan Ngọc C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa, chị Võ Thị Kim D vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn với anh Phan Ngọc C. Về con chung: chị yêu cầu giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng và chị cấp dưỡng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Ngọc C trình bày tại Tòa không ý kiến gì về quan hệ hôn nhân anh để Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung, anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân chị D và anh C mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Lâm H, sinh ngày 24/7/2014. Hiện cháu H đang sống với anh C. Khi ly hôn tiếp tục giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Võ Thị Kim D về việc tranh chấp ly hôn với anh Phan Ngọc C có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện N, Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Chị và anh C cưới nhau vào năm 2011 do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo số 117, ngày 14/11/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C không lo cho gia đình, chị D đã cố khuyên nhiều lần nhưng không được. Chị D và anh C đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, anh C và chị D từ lúc phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa chị D xác nhận không còn tình cảm với anh C nên mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của anh Phan Ngọc C anh không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân nhưng từ khi Tòa án thụ lý đã tiến hành hòa giải giữa các bên nhưng anh C vắng mặt, cho thấy anh C không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó Hội đồng xét thấy tình cảm giữa anh chị không khả năng hàn gắn nên chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Phan Ngọc Lâm H, sinh ngày 24/7/2014. Hiện cháu H đang sống với anh C, chị D yêu cầu giao cháu H cho anh C tiếp tục nuôi cháu H, anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu H đang sống ổn định với anh C, chị D và anh C thống nhất anh C tiếp tục nuôi cháu H, mặc dù anh C không yêu cầu chị D cấp dưỡng nhưng tại tòa chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: chị D và anh C trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị D và anh C cùng trình bày vợ chồng không có tài nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: do chị D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; xét thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị D đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D; tại phiên tòa, anh C và chị D đã thỏa thuận về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con; thống nhất về tài sản chung, nợ chung. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Võ Thị Kim D.

1/ Về tình cảm: Chị Võ Thị Kim D được ly hôn với anh Phan Ngọc C.

2/ Về con chung: Giao cho anh Phan Ngọc C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Phan Ngọc Lâm H, sinh ngày 24/7/2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Võ Thị Kim D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị D và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị D và anh C trình bày không có.

5/ Về án phí: Chị Võ Thị Kim D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002802 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nên chị đã nộp xong.

Chị Võ Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 theo Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

## **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**\* Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B;
- Các ư ơ ng sự .
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**